

BỘ THƯƠNG MẠI-TỔNG
CỤC HẢI QUAN
Số: 09/2000/TTLT/BTM-
TCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2000

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Về việc xác định và kiểm tra xuất xứ hàng hoá

Căn cứ Pháp lệnh Hải quan ngày 20/02/1990;

Căn cứ Nghị định 94/1998/NĐ-CP ngày 17/11/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định 16/1999/NĐ-CP ngày 27/03/1999 của Chính phủ quy định về thủ tục hải quan, giám sát hải quan và lệ phí hải quan;

Đảm bảo thực hiện đúng Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, các luật thuế khác có liên quan và chính sách quản lý mặt hàng của Nhà nước;

Đảm bảo thực hiện đúng các Điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu mà Việt Nam đã ký kết hoặc công nhận;

Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Công nghiệp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể về xác định và kiểm tra xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu như sau:

I./ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Xuất xứ của hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được xác định trên cơ sở thực tế hàng hoá, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá, tờ khai hải quan và các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan.

2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (Certificate of Origin, dưới đây gọi tắt là C/O) quy định tại Thông tư liên tịch này là chứng từ do cơ quan

hay tổ chức có thẩm quyền cấp xác nhận xuất xứ của một lô hàng xuất khẩu hay nhập khẩu.

3. Nước xuất xứ hàng hoá là nước mà tại đó hàng hoá được sản xuất hoặc gia công, chế biến phù hợp với quy định về xuất xứ nêu tại *Phụ lục kèm theo*.

4. Nước thứ ba (nước lai xứ) là nước mà tại đó hàng hoá đi qua, tập kết, chuyển tải, chuyển khẩu, để chuyển đến nước nhập khẩu (kể cả hàng hoá làm thủ tục nhập khẩu vào nước này sau đó lại được tái xuất khẩu). Hàng hoá đi qua nước thứ ba không làm thay đổi xuất xứ nếu tại nước này chỉ thực hiện một số hoạt động giản đơn liên quan đến việc bảo quản hay đóng gói hàng hoá (*Phụ lục kèm theo*).

5. Trường hợp Điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia đã có hiệu lực có quy định khác với quy định tại Thông tư liên tịch này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

6. Người xuất khẩu, người nhập khẩu chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của C/O xuất trình. Mọi hành vi gian lận về C/O của người nhập khẩu hoặc người xuất khẩu sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

II./ KIỂM TRA XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp C/O của Việt Nam:

a) C/O thông thường do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác cấp theo quy định của Pháp luật.

b) C/O đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi theo các Hiệp định hoặc thoả thuận giữa Việt Nam và các nước, nhóm nước hoặc tổ chức kinh tế quốc tế do Bộ Thương mại hoặc cơ quan được Chính phủ chỉ định cấp.

c) C/O cấp cho hàng hóa sản xuất tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất do Ban quản lý Khu công nghiệp hoặc Khu chế xuất cấp.

2. Yêu cầu có C/O trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa xuất khẩu có liên quan đến các cam kết quy định trong các Điều ước quốc tế với các nước hoặc các tổ chức quốc tế mà Việt nam đã ký kết hoặc tham gia.

b) Đối với hàng hóa khác, nếu trong hợp đồng thương mại có điều khoản quy định phải có C/O.

3. Kiểm tra C/O

a) Cơ quan Hải quan chỉ kiểm tra C/O trong trường hợp nghi ngờ tính trung thực của C/O để lợi dụng chế độ ưu đãi đối với hàng hoá thuộc các cam kết dành ưu đãi cho nhau mà Việt Nam ký kết với các nước, nhóm nước hoặc các tổ chức kinh tế quốc tế.

b) Thủ tục kiểm tra được phối hợp thực hiện giữa cơ quan Hải quan và cơ quan có thẩm quyền cấp C/O.

4. Thời điểm xuất trình C/O

a) Thời điểm xuất trình C/O là thời điểm Cơ quan Hải quan tiếp nhận bộ hồ sơ hàng xuất khẩu để làm thủ tục đăng ký tờ khai hải quan.

b) Nếu tại thời điểm Cơ quan Hải quan tiếp nhận bộ hồ sơ hàng xuất khẩu để làm thủ tục đăng ký tờ khai hải quan mà người xuất khẩu chưa có C/O thì chấp nhận cho nợ C/O trong thời hạn 60 ngày tính từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trong khi người xuất khẩu chưa có C/O để xuất trình, cơ quan Hải quan vẫn làm thủ tục xuất khẩu trên cơ sở người xuất khẩu có văn bản cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xuất xứ của lô hàng.

III./ KIỂM TRA XUẤT XỨ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

1. C/O phải nộp cho Cơ quan Hải quan trong các trường hợp sau:

a) Hàng hoá có xuất xứ từ những nước được Việt Nam cho hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu hay về các chế độ quản lý khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc theo các Hiệp định, thoả thuận quốc tế ký kết giữa Việt Nam với các nước, nhóm nước hoặc các tổ chức kinh tế quốc tế mà người nhập khẩu muốn được hưởng các chế độ ưu đãi đó.

b) Những loại hàng hoá thuộc diện Nhà nước hoặc các Tổ chức quốc tế thông báo đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây nguy hại đến sức khỏe của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường.

2. Những trường hợp sau không phải nộp C/O:

- a) Hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ những nước không nằm trong danh sách các nước được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu của Việt Nam.
- b) Hàng hoá nhập khẩu mà người nhập khẩu không có yêu cầu được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu của Việt Nam.
- c) Hàng nhập khẩu phi mậu dịch; hàng nhập khẩu tiểu ngạch; hàng nhập khẩu đã qua sử dụng; một số mặt hàng nông sản là hoa, quả tươi nhập khẩu từ các nước có biên giới đất liền chung với Việt Nam và những lô hàng nhập khẩu thương mại khác có tổng trị giá không vượt quá 60US\$. Việc xác định xuất xứ hàng hóa đối với các trường hợp này được căn cứ trên cơ sở thực tế hàng hóa, các chứng từ liên quan và Tờ khai hải quan do người nhập khẩu tự kê khai, nhưng cán bộ Hải quan phải ghi rõ căn cứ để xác định xuất xứ và nước xuất xứ vào Tờ khai hải quan, nếu không đủ căn cứ để xác định xuất xứ hàng hóa thì tiến hành làm thủ tục hải quan theo chế độ quy định thông thường.
- d) Hàng hoá tại thời điểm làm thủ tục hải quan có thuế suất thuế nhập khẩu bằng không (0%) và được miễn thuế giá trị gia tăng.
- e) Hàng quá cảnh.

3. Thời điểm nộp C/O:

- a) Thời điểm nộp C/O cho Cơ quan Hải quan là thời điểm Cơ quan Hải quan tiếp nhận bộ hồ sơ hàng nhập khẩu để làm thủ tục đăng ký tờ khai hải quan.
- b) Tại thời điểm làm thủ tục đăng ký Tờ khai hải quan nếu người nhập khẩu chưa có C/O nộp cho cơ quan Hải quan thì phải có văn bản đề nghị cho nộp chậm C/O. Trong thời gian chờ nộp bổ sung C/O, Cơ quan Hải quan sẽ làm thủ tục hải quan theo chế độ thông thường.
- c) Thời điểm nộp văn bản đề nghị nộp chậm C/O là lúc đăng ký tờ khai hải quan. Thời gian cho nợ C/O tối đa là 60 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

4. Thể thức và mẫu của C/O.

- a) C/O nộp cho cơ quan Hải quan phải là bản chính và có đầy đủ các nội dung cơ bản như sau:
 - Số phát hành C/O.